

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái đất; Chuyên ngành: Địa lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: ĐẶNG KINH BẮC

2. Ngày tháng năm sinh: 15/01/1989; Nam ; Nữ ; **Quốc tịch:** Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Vạn An, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 25, ngõ 139, đường Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 439, nhà T1, Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), số 334 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại di động: 0389 542 557;

E-mail: dangkinhbac@hus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9/2010 đến tháng 6/2012: Cán bộ tạo nguồn giảng viên, Bộ môn Địa mạo và Địa lý – Môi trường biển, Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

- Từ tháng 7/2012 đến tháng 9/2013: Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Bộ môn Địa mạo và Địa lý – Môi trường biển, Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

- Từ tháng 10/2013 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Địa mạo và Địa lý – Môi trường biển, Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

- Từ tháng 01/2022 đến nay: Phó trưởng Bộ môn Địa mạo và Địa lý – Môi trường biển, Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Bộ môn Địa mạo và Địa lý – Môi trường biển, Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Địa chỉ cơ quan: 334 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội

- Điện thoại cơ quan: 0243-8581420

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Việt – Nhật (ĐHQGHN) và Viện Tài nguyên và Môi trường (ĐHQGHN).

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- **Được cấp bằng Đại học** ngày 23 tháng 6 năm 2010; số văn bằng: QC 078974; ngành Địa lý, chuyên ngành: Địa mạo và tai biến thiên nhiên; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- **Được cấp bằng Thạc sĩ** ngày 02 tháng 04 năm 2013; số văn bằng: QM 015147; ngành Địa lý; chuyên ngành: Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- **Được cấp bằng Tiến sĩ** ngày 04 tháng 07 năm 2018; ngành Nông nghiệp; chuyên ngành: Sinh thái và Dịch vụ hệ sinh thái; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Christian-Albrechts-Universität zu Kiel (CAU), CHLB Đức. Viết và bảo vệ luận án TS bằng tiếng Anh. Bằng TS được công nhận bởi Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo số đăng ký: 008960/CNVB_TS ngày 21/03/2019.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... , ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở:

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành:

Khoa học Trái đất - Mỏ, chuyên ngành: Địa lý.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: i) Địa mạo và tai biến thiên nhiên; ii) Quản lý Tài nguyên và Môi trường theo tiếp cận dịch vụ hệ sinh thái.

13.1. Địa mạo và Tai biến thiên nhiên: Tập trung vào hướng nghiên cứu địa mạo ứng dụng trong quy hoạch đô thị, khảo cổ và giảm thiểu thiệt hại do tai biến thiên nhiên gây nên với sự hỗ trợ viễn thám, GIS và các mô hình trí tuệ nhân tạo.

- *Các học phần giảng dạy liên quan đến hướng nghiên cứu:* Theo hướng nghiên cứu này, ứng viên đã có nhiều năm tham gia giảng dạy học phần Tai biến thiên nhiên; Địa chất đại cương; Địa mạo học; Ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu địa mạo và tai biến thiên nhiên; Địa mạo động lực; Địa mạo ứng dụng; Địa mạo bờ biển (bậc Đại học); Phương pháp và công cụ cho quản lý và đánh giá môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường Việt Nam (bậc Thạc sĩ).

- *Các công trình khoa học liên quan đến hướng nghiên cứu:* Ứng viên đã là đồng tác giả xuất bản được 1 sách giáo trình “Sông hồ Hà Nội” kê ở mục B.5; Đã chủ trì 1 đề tài (Đề tài số [3] kê trong mục B.6a – đã nghiệm thu) và tham gia dự án số [6] kê trong mục B.6b (đã nghiệm thu); Đã công bố được 17 bài báo (Bài báo số 3, 7, 9, 10, 20, 23, 24, 25, 31, 38, 43, 47, 48, 49, 52, 55, 58) và 7 báo cáo hội thảo trong nước và quốc tế (Bài báo số 12, 13, 15, 16, 17, 63, 69 kê ở mục B.7).

- *Sản phẩm đào tạo:* Đã hướng dẫn 02 học viên cao học (Đặng Thị Thanh Hằng và Ngô Chí Cường) theo hướng Địa mạo và tai biến thiên nhiên (kê ở mục B.4).

13.2. Quản lý Tài nguyên và Môi trường theo tiếp cận dịch vụ hệ sinh thái: Tập trung vào hướng nghiên cứu đánh giá định lượng giá trị con người thu được từ các hệ sinh thái tự nhiên và nhân tác dưới tác động của đô thị hóa và tai biến thiên nhiên.

- *Các học phần giảng dạy liên quan đến hướng nghiên cứu:* Theo hướng nghiên cứu này, ứng viên đã có nhiều năm tham gia giảng dạy học phần Khoa học Trái đất và Sự sống; Quản lý biển (bậc Đại học); Quản lý tài nguyên và môi trường Việt Nam; Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững (bậc thạc sĩ); Cơ sở khoa học cho nghiên cứu, quản lý tài nguyên và môi trường (bậc tiến sĩ).

- *Các công trình khoa học liên quan đến hướng nghiên cứu:* Ứng viên đã chủ trì 1 đề tài NAFOSTED (đề tài số [2] kê trong mục B.6a – đã nghiệm thu), và tham gia là thành viên chính/thư ký các đề tài số [1, 4, 5] kê ở mục B.6b (đã nghiệm thu); Đã công bố được 21 bài báo (Bài báo số 1, 2, 4, 5, 6, 8, 18, 19, 21, 22, 26, 27, 28, 29, 30, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 39, 40, 41, 42, 44, 45, 46, 50, 51, 53, 54, 56, 57, 59, 60) và 7 báo cáo hội thảo trong nước và quốc tế (Bài báo số 11, 14, 61, 62, 64, 65, 66, 67, 68, 70 kê ở mục B.7).

- *Sản phẩm đào tạo*: Đã hoàn thành hướng dẫn chính 04 học viên cao học: Nguyễn Thị Diệu Linh (2021-2023), Nguyễn Văn Quân (2020-2022), Seexiong XOUYIA (2018-2021). (kê ở mục B.4).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **05** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ
- Đã hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên:
 - + Đã chủ trì **01** đề tài NAFOSTED, **01** đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội
 - + Thư ký và thành viên chính thực hiện **01** đề tài cấp Nhà nước và **03** đề tài cấp Bộ
- Đã công bố **71** bài báo và báo cáo khoa học toàn văn, trong đó **32** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI/Scopus), trong đó:
 - + **03** bài báo là tác giả chính trước khi nhận bằng tiến sĩ
 - + **16** bài báo là tác giả chính sau khi nhận bằng tiến sĩ
- Số lượng sách đã xuất bản: **01** của nhà xuất bản Hà Nội (đồng tác giả)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): **01** lần đạt bằng khen của Chủ tịch tỉnh Quảng Bình, **01** lần đạt bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, **03** lần đạt bằng khen của Đại học Quốc gia Hà Nội, **02** lần đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Cụ thể như sau:

- Năm 2012:

+ Bằng khen về việc: *“Đã có thành tích xuất sắc trong việc phát hiện, khảo sát hang động tại Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng”* do Chủ tịch tỉnh Quảng Bình ký theo quyết định số 1047/QĐ-KT ngày 11/05/2012.

- Năm 2021:

+ Bằng khen về việc: *“Đạt thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế và sở hữu trí tuệ năm 2020”* do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký theo quyết định số 63/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/01/2021.

+ Bằng khen về việc: *“Đã có kết quả nghiên cứu, ứng dụng đóng góp cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ”* của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký theo quyết định số 3233/QĐ-BKHCN ngày 09/12/2021.

- Năm 2022:

+ Bằng khen về việc: *“Đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2022”* do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký theo quyết định 540/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/02/2023.

- Năm 2023:

+ Bằng khen về việc: “*Đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2023*” do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký theo quyết định 231/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/01/2024.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): *Không bị kỉ luật.*

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Tiêu chuẩn nhà giáo (giảng viên)

Đối chiếu với các tiêu chuẩn của nhà giáo nêu trong Luật giáo dục Việt Nam 2019, ứng viên nhận thấy đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn nhà giáo về tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ giảng viên tại trường Đại học, cụ thể:

- Luôn rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, chính trị và năng lực chuyên môn để đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo. Luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, có lối sống trong sạch, lành mạnh và giản dị, đúng mực trong quan hệ với sinh viên và đồng nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành tốt các qui định của Nhà trường.

- Không ngừng học tập và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội cũng như chiến lược phát triển của Nhà trường, xứng đáng là giảng viên tại trường đại học hàng đầu trong cả nước về khoa học cơ bản. Sau khi tốt nghiệp đại học hệ đào tạo Cử nhân Chất lượng cao năm 2010, ứng viên được chuyển tiếp lên bậc đào tạo thạc sĩ và tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Bản đồ, Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý năm 2013. Năm 2014 ứng viên tìm kiếm cơ hội du học để nâng cao trình độ chuyên môn và đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ tại trường ĐH Christian-Albrechts-Universität zu Kiel (CAU) (CHLB Đức) năm 2018. Bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, ứng viên còn không ngừng nâng cao nghiệp vụ sự phạm và tin học để áp dụng vào công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ứng viên đã được cấp chứng chỉ “*Giáo dục đại học*” vào tháng 1/2023, Chứng nhận “*Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng III*” vào tháng 12/2020 và chứng chỉ “*Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT*” vào tháng 6/2023. Ngoài ra, ứng viên cũng tham gia các khóa học tăng cường các kỹ năng bản thân trong công tác xây dựng chương trình đào tạo, và đã nhận được Chứng nhận “*Hoàn thành khóa đào tạo/tập huấn xây dựng chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng*” vào tháng 9/2023.

- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, lập trường và lý tưởng sống vững vàng, lành mạnh.

b) Nhiệm vụ nhà giáo (giảng viên)

- Về hoạt động đào tạo:

Trong 5 năm gần đây sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và trở lại khoa Địa lý trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ứng viên luôn thực hiện đủ và vượt số giờ chuẩn quy đổi theo đúng quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Đại học Quốc gia Hà Nội và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Các lớp học phần do ứng viên phụ trách luôn được sinh viên đánh giá tốt với điểm số trung bình từ **4,3-4,5/5**. Điểm số này luôn cao hơn hoặc bằng mức trung bình của Khoa Địa lý và của Trường (theo kết quả khảo sát của Phòng Thanh tra, pháp chế và đảm bảo chất lượng).

Bên cạnh đó, ngay sau khi hoàn thành chương trình Tiến sĩ và trở về khoa Địa lý, từ năm học 2019 – 2020 ứng viên đã được khoa phân công chủ nhiệm một lớp đào tạo cử nhân lớp K64 ngành Khoa học thông tin địa không gian và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ này. Sau 4 năm làm chủ nhiệm, năm 2023, các sinh viên đã hoàn thành tốt Khóa luận tốt nghiệp của mình. Ứng viên cũng tích cực hướng dẫn sinh viên và học viên sau đại học thực hiện nghiên cứu và hoàn thành tốt chương trình đào tạo, tham gia các hội đồng đánh giá khoá luận, luận văn, luận án cho bậc đại học và sau đại học. Ứng viên đã hướng dẫn nhiều cử nhân và **05** HVCH đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ. Hiện ứng viên là đồng hướng dẫn **02** nghiên cứu sinh đang trong quá trình hoàn thiện luận án tại viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngoài ra ứng viên còn tham gia xây dựng **01** chương trình đào tạo cử nhân của Khoa Địa lý thuộc ngành “*Quản lý phát triển đô thị và bất động sản*”, bắt đầu tuyển sinh từ năm học 2020-2021.

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ứng viên đã tích cực tham gia các khóa tập huấn về giảng dạy trực tuyến như LMS, Google meet, Google classroom, Team, Zoom và đã áp dụng những phần mềm này vào công việc giảng dạy trong thời gian giãn cách xã hội do Covid-19.

- Về nghiên cứu khoa học:

Ứng viên luôn tích cực tham gia nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Đã chủ trì 01 đề tài NAFOSTED, 01 đề tài cấp ĐHQGHN (đã nghiệm thu); tham gia với tư cách là thành viên chính của 02 đề tài cấp Nhà nước (trong đó 01 đề tài đã nghiệm thu và 01 đề tài đang trong quá trình thực hiện) và 02 đề tài cấp Bộ (đã nghiệm thu). Ngoài ra, hiện ứng viên đang nhận được học bổng của Quỹ Đổi mới Vingroup Innovation Foundation (VinIF) theo hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảm thiểu thiệt hại do tai biến thiên nhiên gây ra.

Ứng viên đã công bố **71** công trình khoa học, trong đó có **32** bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus (trong đó có **03** bài là tác giả chính được đăng trước tiến sĩ và **16** bài là tác giả chính được đăng sau tiến sĩ), **21** bài đăng trong tạp chí khoa học trong nước, **5** bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, **12** bài đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia, tham gia biên soạn tập Địa lý thuộc nhiệm vụ Xây dựng Bộ địa chí Quốc gia Việt Nam (Quốc chí) và **01** sách chuyên khảo do NXB Hà Nội xuất bản; tham gia viết một số mục từ thuộc Quyển 7 “Địa lý Việt Nam và Địa chính” thuộc nhiệm vụ Xây dựng Bách khoa thư Việt Nam.

Bên cạnh đó, ứng viên còn tham gia tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, tham gia phản biện các bài báo trong và ngoài nước.

- Về thực hiện các nhiệm vụ khác:

Sau khi tu nghiệp ở Cộng hòa Liên bang Đức và trở về nước cuối năm 2018, ứng viên đã tích cực đẩy mạnh hợp tác quốc tế với nhiều nhóm nghiên cứu tại Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Úc, Anh và Trung Quốc trong nghiên cứu khoa học và đào tạo. Trong nghiên cứu khoa học, ứng viên kết nối chặt chẽ với các viện và trường Đại học thuộc Top-500 thế giới như trường đại học Sydney (Úc), trường Hanover (CHLB Đức), trường KU. Leuven (Vương quốc Bỉ), trường Valladolid (Tây Ban Nha). Từ đó, 32 bài báo khoa học đã được thực hiện và đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín. Ứng viên cũng thường xuyên quay trở lại Đức và đến làm việc với các nhóm nghiên cứu tại Tây Ban Nha và Bỉ nhằm thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế, như trong các dự án LEGATO (quỹ BMBF của Đức), CARE4C (quỹ Horizon của châu Âu) và 3SIP2C (quỹ UKRI của Anh). Trong hoạt động đào tạo, ứng viên thường xuyên giới thiệu các sinh viên và học viên tham gia các khóa học ngắn hạn (cấp chứng chỉ) và dài hạn (cấp thạc sĩ và tiến sĩ) tại trường đại học KU.Leuven (Vương quốc Bỉ) và Valladolid (Tây Ban Nha). Tháng 9/2023, ứng viên là thành viên nhóm giảng viên hướng dẫn lớp học viên quốc tế đi nghiên cứu thực địa tại Hòa Bình trong khuôn khổ chương trình “Living Lab” do trường KU. Leuven và viện Việt Nam và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức. Chương trình nghiên cứu thực địa này sẽ được thực hiện hằng năm với các lớp học viên khóa mới.

Năm 2020, ứng viên cùng tập thể Khoa Địa lý đã hoàn thành xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản (ngành đào tạo thí điểm) theo quyết định số 723/QĐ-ĐHQGHN do Giám đốc Đại học Quốc gia ký vào tháng 3/2020. Tới nay, chương trình đào tạo đã tuyển được 4 năm học với số lượng từ 80-100 sinh viên hằng năm.

Từ năm 2022 ứng viên được giao nhiệm vụ Phó trưởng bộ môn Địa mạo và Địa lý – Môi trường biển. Với nhiệm vụ mới, ứng viên đã cùng Ban lãnh đạo Khoa Địa lý tổ chức

thành công nhiều hội thảo khoa học chuyên ngành, hội nghị khoa học sinh viên và các seminar khoa học cấp Khoa. Các kết quả công bố và đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa Địa lý ngày càng tăng.

Những hoạt động của ứng viên cùng với tập thể đã góp phần đưa Khoa Địa lý được nhận Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2021 và đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2021-2022. Bản thân ứng viên cũng được tập thể Khoa Địa lý và Trường ĐH Khoa học Tự nhiên xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 3 năm liền, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN và chiến sĩ thi đua cấp Bộ Giáo dục & Đào tạo năm học 2021-2022.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **8 năm** (từ năm 2012 đến 2024, trừ thời gian đi nghiên cứu sinh ở nước ngoài)

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (theo quy định của ứng viên là PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS đã hướng dẫn | Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|------------------------|-----------|---------------------------|-----|---------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-----|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2013-2014 | | | | 01 | 50 | - | 50/71/280 |
| 2 | 2019-2020 | | | | | 90 | 80 | 170/258/229,5 |
| 3 | 2020-2021 | | | 01 | 02 | 225 | 40 | 265/518,5/229,5 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2021-2022 | | | 02 | 01 | 195 | 30 | 225/384/229,5 |
| 5 | 2022-2023 | | | 01 | 01 | 209 | 40 | 249/374/204 |
| 6 | 2023-2024 | | | 01 | 01 | 194 | 40 | 234/396,5/204 |

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ

Luận văn ThS

Luận án TS

Luận án TSKH

tại nước: CHLB Đức năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): **Đại học Việt – Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội**

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|----------------------|-----------|------|-----------------------|-----|------------------------------------|--|---|
| | | NCS | HVCH | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Đặng Thị Thanh Hằng | | x | x | | 2017-2021 | Khoa Địa lý, Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN | 09/04/2021 |
| 2 | Seexiong XOUYIA | | x | x | | 2018-2021 | | 26/03/2021 |
| 3 | Ngô Chí Cường | | x | x | | 2019-2021 | | 15/11/2022 |
| 4 | Nguyễn Văn Quân | | x | x | | 2020-2022 | | 12/04/2023 |
| 5 | Nguyễn Thị Diệu Linh | | x | x | | 2021-2023 | | 15/03/2024 |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|------------------------------------|----------------------------|--|------------|--------------|---|---|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | - | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | Sông Hồ Hà Nội | CK | Nhà Xuất bản Hà Nội. 2019. ISBN: 978-604-554-154-8 | 4 | Đặng Văn Bào | Tham gia biên soạn: + Chương 1, mục IV (trang 30-40) + Chương 5, mục I.2 (từ trang 259-274), mục III.1 (trang 294-300) và mục III.3 (trang 306-314) | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo bậc đại học và sau đại học, ký ngày ngày 06/05/2023 |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: *Không có*

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

a. Các nhiệm vụ khoa học chủ trì/ thư ký đã hoàn thành

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PC N/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----------|---|---------------|---|------------------------|---|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | |
| 1 | Đề tài: “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đa lợi ích sử dụng bền vững tài nguyên hang động và cảnh quan karst độc đáo tỉnh Quảng Ninh” | TK | QG.14.10, (cấp ĐHQGHN) | 4/2014- 10/2017 | Nghiệm thu 25/10/2017 Xếp loại “Đạt” |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | |
| 2 | Đề tài: “Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái ven biển Việt Nam dưới tác động của quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu dựa trên việc phát triển mô hình Bayesian Belief Network” | CN | NAFOSTED . 105.07- 2020.04 (cấp Nhà nước) | 10/2020- 11/2023 | Nghiệm thu 13/11/2023 Xếp loại “Đạt” |
| 3 | Đề tài: “Phát triển mô hình học máy sâu trong giám sát biến động bờ biển Trung Bộ” | CN | QG.21.17 (cấp ĐHQGHN) | 4/2021- 03/2023 | Nhiệm thu 10/03/2023 Xếp loại “Xuất sắc” |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

b. Các nhiệm vụ khoa học tham gia đã hoàn thành

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ | Vai trò |
|-----------|---|--|---------------------|--|------------------|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | |
| | Không có | | | | |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | |
| 4 | Luận cứ khoa học cho việc thiết lập và giải pháp quản lý hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam | KC.09/16-20 (cấp Nhà nước) | 2016-2020 | Nhiệm thu 29/12/2020 Xếp loại “Xuất sắc” | Thành viên chính |
| 5 | Nghiên cứu, đánh giá hệ sinh thái đất ngập nước ven biển vườn quốc gia Côn Đảo, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững | TNMT.2020.562.07 (cấp Bộ) – Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2020-2022 | Nhiệm thu 21/07/2023 theo QĐ 1668/QĐ-BTBMT Xếp loại “Khá” | Thành viên chính |
| 6 | Lập bản đồ địa mạo đáy biển vùng biển Tư Chính – Vũng Mây; Xây dựng đề cương và thi công thực địa vùng biển Nam Phú Khánh tỷ lệ 1:500.000 | Thuộc dự án “Nghiên cứu, điều tra, đánh giá, khoanh định các cấu trúc địa chất có tiềm năng và triển vọng khí hydrate (GH) ở các vùng biển Việt Nam” (Cấp Bộ) – Trung tâm Quy hoạch Điều tra Tài nguyên – Môi trường biển khu vực phía Bắc | 3/2023 – 11/2023 | Biên bản nghiệm thu số 25/BBNT ngày 30/11/2023; Đạt | Thành viên chính |

c. Các nhiệm vụ khoa học đang chủ trì thực hiện

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện |
|----|--|----------------------|---------------------|
| | | | |

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---|---|------------|----------------------------|--|---|--|---|--------------------|
| I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ | | | | | | | | |
| Tạp chí quốc tế | | | | | | | | |
| 1 | Application of a hybrid neural-fuzzy inference system for mapping crop suitability areas and predicting rice yields | 04 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Environmental Modelling & Software (ISSN: 1364-8152) | ISI Q1 IF=4.80 (2019) | 39 | Tập 114, 166–180 (15 trang) DOI: https://doi.org/10.1016/j.envsoft.2019.01.015 | 4/2019 |
| 2 | A Bayesian Belief Network – Based approach to link ecosystem functions with rice provisioning ecosystem services | 04 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Ecological Indicators (ISSN: 1470-160X) | ISI Q1 IF=4.22 (2019) | 53 | Tập 100, 30-44 (15 trang) https://doi.org/10.1016/j.ecolind.2018.04.055 | 5/2019 |
| 3 | Modeling and Mapping Natural Hazard Regulating Ecosystem Services in Sapa, Lao Cai Province, Vietnam | 04 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Paddy and Water Environment (ISSN: 1611-2490) | ISI Q2 IF=1.26 (2018) | 33 | Tập 16, số 4, 767–781 (15 trang) https://doi.org/10.1007/s10333-018-0667-6 | 7/2018 |
| 4 | The discovery and exploration of Hang Son Doong | 07 | | Boletin Geologico y Minero (ISSN: 0366-0176) | SCOPUS Q4 IF=0.37 (2016) | 06 | Tập 127, số 1, 165-176 (13 trang) https://www.igme.es/boletin/2016/127_1.htm | 4/2016 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-------------------------|--|------------|----------------------------|--|---|--|---|--------------------|
| Tạp chí quốc gia | | | | | | | | |
| 5 | Đánh giá dịch vụ văn hóa trên cơ sở tiếp cận địa mạo học - Nghiên cứu trường hợp tại khu vực Sa Pa, tỉnh Lào Cai | 05 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, ISSN 2588-1094 | | | Tập 33, số 4, 92-102 https://js.vnu.edu.vn/EES/article/view/4198/3841 | 12/2017 |
| 6 | Chi trả dịch vụ môi trường rừng – giải pháp hiệu quả cho tăng cường liên kết vùng giữa Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ trong sử dụng hợp lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học | 08 | | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, ISSN 2588-1094 | | | Tập 31, số 1S, 94-104 | 8/2015 |
| 7 | Lòng sông cổ ở Hà Nội: Tái hiện và định hướng quản lý | 04 | | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, ISSN 2588-1094 | | | Tập 30, số 4, 1-10 https://js.vnu.edu.vn/EES/article/view/774/744 | 12/2014 |
| 8 | Cơ sở khoa học cho định hướng sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường hệ thống sông ngòi và hồ nước thành phố Hà Nội | 05 | | Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn, ISSN 2354-0648 | | | Tập 4, số 7, 11-20 | 12/2014 |
| 9 | Assessment of flood hazard risk in Hanoi city | 04 | | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, | | | Tập 29, số 1, 26-37 | 6/2013 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|--|--|------------|----------------------------|---|---|--|---|--------------------|
| | | | | ISSN 2588-1094 | | | https://js.vnu.edu.vn/EES/article/view/1562 | |
| 10 | Application of N-SPECT model and GIS for Soil erosion assessment in Sapa district, Lao Cai province | 03 | | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, ISSN 2588-1094 | | | Tập 27, số 04, 199-207 https://js.vnu.edu.vn/EES/article/view/1516 | 10/2011 |
| Báo cáo khoa học hội thảo/hội nghị quốc tế | | | | | | | | |
| 11 | Research on urban changes in a relationship with geographical factors in the western region of Hanoi during the period 2000-2014 | 3 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Kỷ yếu Hội nghị Viên thám Châu Á lần thứ 35 tại Nay Pyi Taw, Myanmar, 27-31, tháng 10/2014 (ISBN: 978-1-63439-999-9) | | | Trang 1480 - 1486 | 10/2014 |
| 12 | Nghiên cứu địa mạo cho quy hoạch mở rộng đô thị Hà Nội về phía tây | 4 | | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Địa lý Đông Nam Á lần thứ X, Hà Nội, 23-26/11/2010; NXB Đại học Sư phạm | | | Trang 132-139 | 11/2010 |
| Báo cáo khoa học hội thảo/hội nghị quốc gia | | | | | | | | |
| 13 | Địa mạo và vị trí định cư của người Việt cổ (lấy ví dụ: khu vực phía Bắc thành phố Hà Nội) | 4 | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 8, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2014, ISBN: 978-604-918-437-6 | | | Trang 191-201 | 11/2014 |
| 14 | Cơ sở khoa học cho liên kết vùng | 4 | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý | | | Trang 164 - 173 | 11/2014 |

| T T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tạp, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----------|---|------------|----------------------------|---|---|--|--|--------------------|
| | giữa Tây Nguyên với duyên hải miền Nam Trung Bộ trong sử dụng tài nguyên nước mặt, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai | | | toàn quốc lần thứ 8, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2014, ISBN: 978-604-918-437-6 | | | | |
| 15 | Đánh giá xói mòn đất lưu vực sông Hương trên cơ sở ứng dụng công nghệ viễn thám – GIS và mô hình N-SPECT | 3 | | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 7 tại Thái Nguyên, 2013, NXB Đại học Thái Nguyên. ISBN: 978-604-915-044-9 | | | Trang 343 – 352 | 10/2013 |
| 16 | Ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu tái hiện sông cổ và Hệ thống hồ nước khu vực thành phố Hà Nội | 4 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 7 tại Thái Nguyên, 2013, NXB Đại học Thái Nguyên. ISBN: 978-604-915-044-9 | | | Trang 987 – 998 | 10/2013 |
| 17 | Ứng dụng viễn thám – GIS kết hợp các dấu hiệu địa mạo trong xác định các lòng sông cổ khu vực phía Tây thành phố Hà Nội | 3 | | Kỷ yếu Hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc năm 2011, NXB Nông nghiệp | | | Trang 158-165 | 10/2011 |
| II | SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ | | | | | | | |
| | Tạp chí quốc tế | | | | | | | |
| 18 | SwinYOLOv7: Robust Ship Detection in Complex Synthetic Aperture Radar Images | 7 | | Applied Soft Computing (ISSN: 1568-4946) | ISI Q1 IF=8.7 (2024) | - | Tạp 160, 111704 https://doi.org/10.1016/j.asoc.2024.111704 | 4/2024 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|----------------------------|--|---|--|---|--------------------|
| 19 | Deep learning models for monitoring landscape changes in a UNESCO Global Geopark | 6 | X (Tác giả liên hệ) | Journal of Environmental Management (ISSN: 0301-4797) | ISI Q1 IF=8.7 (2024) | 1 | Tập 354, Số 120497, 15 trang https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2024.120497 | 2/2024 |
| 20 | Deep learning models integrating multi-sensor and -temporal remote sensing to monitor landslide traces in Vietnam | 9 | X (tác giả đầu và liên hệ) | International Journal of Disaster Risk Reduction (ISSN: 2212-4209) | ISI Q1 IF=5.0 (2024) | - | Tập 105, 104391, 18 trang https://doi.org/10.1016/j.ijdr.2024.104391 | 3/2024 |
| 21 | Integrating land quality in peri-urban agriculture for sustainability and green revolution in Vietnam | 12 | | Multidisciplinary Science Journal (ISSN: 2675-1240) | SCOPUS Q4 | - | Tập 6, Số 9, 2024196 https://doi.org/10.31893/multiscience.2024196 | 5/2024 |
| 22 | ShipGeoNet: SAR Image-Based Geometric Feature Extraction of Ships Using Convolutional Neural Networks | 6 | | IEEE Transactions on Geoscience and Remote Sensing (ISSN: 0196-2892) | ISI Q1 IF=8.2 (2024) | 11 | Tập 62, Số 5202613, 13 trang https://doi.org/10.1109/TGRS.2024.3352150 | 1/2024 |
| 23 | Comparison between U-shaped structural deep learning models to detect landslide traces | 15 | X (Tác giả đứng đầu) | Science of the Total Environment (ISSN: 0048-9697) | ISI Q1 IF=9.8 (2023) | - | Tập 912, Số 169113, 13 trang https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2023.169113 | 12/2023 |
| 24 | Flood inundation assessment of UNESCO World | 8 | | Ecological Informatics | ISI Q1 | 1 | Tập 79, Số 102427, | 12/2023 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|----------------------|---|---|--|--|--------------------|
| | Heritage Sites using remote sensing and spatial metrics in Hoi An City, Vietnam | | | (ISSN: 1574-9541) | IF=5.1 (2023) | | 14 trang https://doi.org/10.1016/j.ecoinf.2023.102427 | |
| 25 | Coastline and shoreline change assessment in sandy coasts based on machine learning models and high-resolution satellite images | 3 | | Vietnam Journal of Earth Sciences (ISSN: 0866-7187) | Q2 (ESCI) SCOPUS IF=1.87 (2023) | 3 | Tập 45, Số 2, 251–270 (20 trang) https://doi.org/10.15625/2615-9783/18407 | 5/2023 |
| 26 | Monitoring the effects of urbanization and flood hazards on sandy ecosystem services | 12 | X (Tác giả đứng đầu) | Science of the Total Environment (ISSN: 0048-9697) | ISI Q1 IF=9.8 (2023) | 2 | Tập 880 Số 163271, 13 trang http://dx.doi.org/10.1016/j.scitotenv.2023.163271 | 4/2023 |
| 27 | Coastal landscape classification using convolutional neural network and remote sensing data in Vietnam | 11 | X (Tác giả liên hệ) | Journal of Environmental Management (ISSN: 0301-4797) | ISI Q1 IF=8.7 (2023) | 9 | Tập 335, Số 117537, 12 trang https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2023.117537 | 2/2023 |
| 28 | Multi-Scale Ship Detection Using SAR Images Based on Improved Yolov5 | 9 | | Frontiers in Marine Science (ISSN: 2296-7745) | ISI Q1 IF=3.7 (2022) | 24 | Tập 9, 21 trang https://doi.org/10.3389/fmars.2022.1086140 | 1/2023 |
| 29 | Evaluating Wetland Ecosystem Services in | 9 | | Live and Bioabiotic Systems | None | - | Tập 42, số 22, 22 trang | 11/2022 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|--|------------|----------------------------|--|---|--|---|--------------------|
| | Quang Ninh Province of Vietnam | | | (ISSN: 2308-9709) | | | https://doi.org/10.18522/2308-9709-2022-42-4 | |
| 30 | Deep Learning Model Development for Detecting Coffee Tree Changes Based on Sentinel-2 Imagery in Vietnam | 7 | X (Tác giả liên hệ) | IEEE Access (ISSN: 2169-3536) | ISI Q1 IF=3.9 (2022) | 08 | Tập 10, 109097, 11 trang https://doi.org/10.1109/ACCESS.2022.3203405 | 10/2022 |
| 31 | Application of deep learning models to detect coastlines and shorelines | 11 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Journal of Environmental Management (ISSN: 0301-4797) | ISI Q1 IF=8.7 (2022) | 21 | Tập 320, Số 115732, 14 trang https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2022.115732 | 7/2022 |
| 32 | Comprehensive assessment of coastal tourism potential in Vietnam | 3 | | Vietnam Journal of Earth Sciences (ISSN: 0866-7187) | SCOPUS (ESCI) Q2 IF=1.87 (2022) | 4 | Tập 44, Số 4, 535–558 (24 trang) https://doi.org/10.15625/9783/17374 | 7/2022 |
| 33 | Economic valuation of wetland ecosystem services in northeastern part of Vietnam. | 8 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Knowledge & Management of Aquatic Ecosystems (ISSN: 1961-9502) | ISI Q2 IF=1.8 (2022) | 09 | Tập 423, Số 12, 14 trang https://doi.org/10.1051/kmae/2022010 | 3/2022 |
| 34 | A new deep learning approach based on bilateral semantic | 10 | X (Tác giả liên hệ) | Science of The Total Environment (ISSN: 0048-9697) | ISI Q1 IF=9.8 (2022) | 16 | Tập 838, Số 1, 155826, 13 trang | 5/2022 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|--|------------|----------------------|---|---|--|---|--------------------|
| | segmentation models for sustainable estuarine wetland ecosystem management. | | | | | | http://dx.doi.org/10.1016/j.scitotenv.2022.155826 | |
| 35 | Integrated methods and scenarios for assessment of sand dunes ecosystem services | 9 | X (Tác giả đứng đầu) | Journal of Environmental Management (ISSN: 0301-4797) | ISI Q1 IF=8.9 (2021) | 12 | Tập 289, Số 112485, 15 trang https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2021.112485 | 3/2021 |
| 36 | U-shaped deep-learning models for island ecosystem type classification, a case study in Con Dao Island of Vietnam | 11 | X (Tác giả đứng đầu) | One Ecosystem (ISSN: 2367-8194) | SCOPUS (ESCI) Q1 IF=1.2 (2022) | 11 | Tập7, e79160, (23 trang) https://doi.org/10.3897/oneeco.7.e79160 | 2/2022 |
| 37 | A novel intelligence approach based active and ensemble learning for agricultural soil organic carbon prediction using multispectral and SAR data fusion | 9 | | Science of The Total Environment (ISSN: 0048-9697) | ISI Q1 IF=10.7 (2021) | 74 | Tập 804, Số 150187, 12 trang https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2021.150187 | 6/2021 |
| 38 | New Approach to Assess Multi-Scale Coastal Landscape Vulnerability to Erosion in Tropical Storms in Vietnam | 11 | X (tác giả liên hệ) | Sustainability (ISSN: 2071-1050) | ISI Q1 IF=3.88 (2021) | 07 | Tập13, Số 2:1004, 24 trang https://doi.org/10.3390/su13021004 | 1/2021 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|----------------------------|---|---|--|---|--------------------|
| 39 | Coastal wetland classification with deep U-Net convolutional networks and Sentinel-2 imagery: A case study at the Tien Yen estuary of Vietnam | 9 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Remote Sensing (ISSN: 2072-4292) | ISI Q1 IF=5.78 (2020) | 47 | Tập 12, Số 3270, 27 trang https://doi.org/10.3390/rs12193270 | 10/2020 |
| 40 | U-Net Convolutional Networks for Mining Land Cover Classification Based on High-Resolution UAV Imagery | 6 | X (Tác giả liên hệ) | IEEE Access (ISSN: 2169-3536) | ISI Q1 IF=3.7 (2020) | 64 | Tập 8, 186257-186273 (17 trang) https://doi.org/10.1109/ACCESS.2020.3030112 | 10/2020 |
| 41 | Potential, flow and demand of rice provisioning ecosystem services – Case study in Sapa district, Vietnam | 4 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Ecological Indicators (ISSN: 1470-160X) | ISI Q1 IF=4.95 (2020) | 13 | Tập 118, Số 106731, 15 trang https://doi.org/10.1016/j.ecolind.2020.106731 | 7/2020 |
| 42 | Combining Methods to Estimate ecosystem Integrity and Ecosystem Service Potentials and Flows for Crop Production in Schleswig-Holstein, Germany | 4 | | Landscape Online (ISSN: 1865 - 1542) | SCOPUS Q2 IF=0.43 (2020) | 04 | Tập 79, 36 trang https://doi.org/10.3097/L.0.202079 | 4/2020 |
| 43 | A Convolutional Neural Network | 6 | X (tác giả) | IEEE Access | ISI Q1 | 25 | Tập 8, | 1/2020 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-------------------------|--|------------|----------------------------|---|---|--|--|--------------------|
| | for coast classification based on ALOS and NOAA satellite data | | đầu và liên hệ) | (ISSN: 2169-3536) | IF=3.7 (2020) | | 11824 - 11839 (16 trang) https://doi.org/10.1109/ACCESS.2020.2965231 | |
| 44 | Assessing ecosystem service potentials to evaluate terrestrial, coastal and marine ecosystem types in Northern Germany – An expert-based matrix approach | 21 | | Ecological Indicators (ISSN: 1470-160X) | ISI Q1 IF=4.95 (2020) | 76 | Tập 112, 106116, 16 trang https://doi.org/10.1016/j.ecolind.2020.106116 | 1/2020 |
| 45 | Ecosystem service value assessment of a natural reserve region for strengthening protection and conservation | 10 | | Journal of Environmental Management (ISSN: 0301-4797) | ISI Q1 IF=5.6 (2019) | 195 | Tập 244, 208–227 (20 trang) https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2019.04.095 | 4/2019 |
| Tạp chí quốc gia | | | | | | | | |
| 46 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giám sát biến động bờ biển Trung Bộ | 1 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094 | | | Tập 40 Số 1, 82-97 https://doi.org/10.25073/2588-1094/VNUEES.5012 | 2/2024 |
| 47 | Đánh giá biến động giá trị dịch vụ hệ sinh thái vùng cửa sông | 4 | | Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn ISSN 2354-0648 | | | Tập 1, số 42, 89 – 98 | 3/2024 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|--|------------|----------------------------|--|---|--|--|--------------------|
| | Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam | | | | | | | |
| 48 | Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương bờ biển Sơn Trà – Cửa Đại | 4 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094 | | | Tập 38, Số 3, 55-65 https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.4842 | 12/2021 |
| 49 | Đánh giá nguy cơ hình thành lũ quét trên suối Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai bằng phương pháp phân tích thống kê | 5 | | Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525 - 2208 | | | EME4, 341-354 https://doi.org/10.36335/vnjhm.2022(eme4).341-354 | 4/2022 |
| 50 | Nghiên cứu ứng dụng mô hình học máy trong phân loại hệ sinh thái đất ngập nước nội địa tại Vườn Quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn | 7 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525 - 2208 | | | Số 739, 81-91 http://tapchikttv.vn/article/2507 | 7/2022 |
| 51 | Phát triển du lịch gắn với Bảo tồn đất ngập nước: Thực trạng và giải pháp cho vùng biển đảo Việt Nam | 5 | | Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh ISSN 2734-9918 | | | Tập 19, Số 1, 147 – 158 https://vjol.info.vn/index.php/sphcm/article/view/74402 | 1/2022 |
| 52 | Đánh giá tính dễ bị tổn thương do lũ lụt khu vực | 7 | | Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn, ISSN 2354-0648 | | | Số 4, Số 35, 12–21 | 12/2021 |

| T T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|--------|--|---------------|--|--|--|---|---|--------------------------|
| | ven biển tỉnh Hà Tĩnh | | | | | | https://vjol.info.vn/index.php/DL/article/download/64589/54433/ | |
| 53 | Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước khu vực cửa sông Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh | 5 | | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, ISSN 2588-1094 | | | Tập 37, Số 4, 96-106 https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.4811 | 11/2021 |
| 54 | Phân loại bờ biển theo điều kiện địa chất – địa mạo phục vụ thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam | 5 | | Tạp chí Địa chất, loạt A ISSN 0866-7381 | | | Số 373-374, 160-175 http://www.idm.gov.vn/Datatapchi/2020/A373_374/a160.htm | 9/2020 |
| 55 | Assessment of shoreline changes for setback zone establishment from Son Tra (Da Nang city) to Cua Dai (Hoi An city), Vietnam | 7 | | Vietnam Journal of Earth Sciences VJES - Tạp chí Các khoa học về Trái đất ISSN: 2815-5890 | | | Tập 42, Số 4, 363-383 https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/4/15410 | 10/2020 |
| 56 | Định hướng không gian bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển khu vực Sơn Trà - Cửa Đại | 4 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn ISSN 2354-0648 | | | Tập 3, Số 30, 3-10 | 9/2020 |
| 57 | Đánh giá tiềm năng cung cấp dịch vụ hệ sinh thái đụn cát ven | 4 | X (tác giả đầu và | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các | | | Tập 36, Số 3, 81-92 | 8/2020 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---|---|------------|----------------------------|--|---|--|--|--------------------|
| | biển đoạn từ khu vực Sơn Trà (Đà Nẵng) đến - Tam Kỳ (Quảng Nam) | | liên hệ) | Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094 | | | https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.4645 | |
| 58 | Nghiên cứu định hướng phát triển du lịch địa học khu vực núi lửa Chư B'luk, tỉnh Đắk Nông và lân cận | 5 | | Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn ISSN 2354-0648 | | | Tập 1, Số 28, 3-10 | 3/2020 |
| 59 | Phân tích các yếu tố sinh-địa-hóa trong mối liên quan với xu hướng sử dụng đất trên địa hình bazan khu vực Đồng Nai và phụ cận | 2 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094 | | | Tập 36, Số 2, 79-89 https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.4542 | 2/2020 |
| 60 | Modeling effects of abiotic and anthropogenic factors to rice production - A case study in Sapa district, Lao Cai province, Vietnam | 2 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Vietnam Journal of Earth Sciences VJES - Tạp chí Các khoa học về Trái đất ISSN: 2815-5890 | | | Tập 42, Số 1, 41-54 https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/1/14757 | 12/2019 |
| Báo cáo khoa học hội thảo/hội nghị quốc tế | | | | | | | | |
| 61 | Đánh giá nhanh dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển huyện Côn Đảo | 5 | | Kỷ yếu Hội nghị quốc tế “Biển Đông 2022”, Nha Trang, 2022, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-357-067-0 | | | Trang 856-867 | 9/2022 |
| 62 | A Bayesian Belief Network | 2 | X (tác giả) | Kỷ yếu Hội nghị Địa lý châu Á lần | | | Trang 56-64 | 9/2022 |

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|--|--|------------|----------------------------|--|---|--|------------------------|--------------------|
| | for Sustainable Land-Use Management in Basalt Landscapes | | đầu và liên hệ) | thứ 5 (ACG5), 2022, Thai Nguyen, Viet Nam, NXB Đại học Thái Nguyên, ISBN: 978-604-3-50127-8 | | | | |
| 63 | Landslide hazard assessment using geomorphic indices analysis: A case study in western mountain areas of Khanh Hoa province, Vietnam | 5 | | International Conference on Earth Observations & Natural Hazards 2019 (ICEO&NH 2019) ISBN: 978-604-913-923-9 | | | Trang 154 - 163 | 11/2019 |
| Báo cáo khoa học hội thảo/hội nghị quốc gia | | | | | | | | |
| 64 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân loại cảnh quan ven biển Việt Nam | 1 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Kỷ yếu hội nghị GIS toàn quốc 2023, NXB Học viện Nông nghiệp ISBN: 978-604-924-769-9 | | | Trang 529-541 | 11/2023 |
| 65 | Lượng giá dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước khu vực Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh qua cách tiếp cận địa mạo | 2 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Kỷ yếu Hội nghị Địa lý nhân văn 2023, NXB Khoa học Xã hội ISBN: 978-604-364-732-7 | | | Trang 616 - 630 | 10/2023 |
| 66 | Nghiên cứu tiềm năng sử dụng mạng lưới Bayesian trong đánh giá dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển Việt Nam | 3 | | Kỷ yếu Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ XIII Sơn Tây, 2022, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-357-113-4 | | | Quyển 2, Trang 755-766 | 11/2022 |
| 67 | Nghiên cứu đánh giá sự đánh đổi | 4 | X (tác giả) | Kỷ yếu Hội nghị Địa lý toàn quốc | | | Quyển 2 Trang | 11/2022 |

| T T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) trên Google Scholar | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|--------|---|------------|----------------------------|---|---|--|-----------------------------|--------------------|
| | giữa các dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước tại Vườn quốc gia Côn Đảo | | đầu và liên hệ) | lần thứ XIII Sơn Tây, 2022, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-357-113-4 | | | 223-233 | |
| 68 | Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước khu vực ven biển tỉnh Quảng Ninh | 8 | X (tác giả đầu và liên hệ) | Kỷ yếu Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ XIII Sơn Tây, 2022, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-357-113-4 | | | Quyển 2 Trang 267-277 | 11/2022 |
| 69 | Nghiên cứu phân loại nền hang Karst khu vực vịnh Hạ Long | 5 | | Kỷ yếu Hội nghị Địa lý Toàn quốc lần thứ XII, 2021, NXB Thanh Niên ISBN: 978-604-334-789-0 | | | Trang 299 – 310 | 12/2021 |
| 70 | Vegetation Index – Indicator to identify the expansion of <i>Brachypodium Pinnatum</i> in commons of Western Pyrenees | 2 | | Kỷ yếu Hội thảo GIS toàn quốc tháng 11/2019, Đại học Buôn Mê Thuột, TP Buôn Mê Thuột, NXB Nông nghiệp ISBN: 978-604-60-3104-8 | | | Trang 43 - 52 | 11/2019 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **16** ([19], [20], [23], [26], [27], [30], [31], [33], [34], [35], [36], [38], [39], [40], [41], [43]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|--|-----------------------|
| 1 | Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lí phát triển đô thị và Bất động sản | Tham gia | Quyết định số 1530/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/5/2019 về việc thành lập các tổ chuyên gia soạn thảo chương trình đào tạo | Đại học quốc gia Hà Nội | Quyết định số 723/QĐ-ĐHQGHN ngày 6/3/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo và giao nhiệm vụ đào tạo | Chương trình thí điểm |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

- Giờ giảng dạy: Trong 6 năm, ứng viên thiếu 1 năm giờ giảng, cụ thể như sau:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, số năm còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 01 năm (năm học 2013-2014 đã giảng dạy 50/140 giờ), thiếu 90 giờ.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, số năm còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): thiếu 01 năm (năm học 2013-2014 đã giảng dạy 71/280 giờ), thiếu 209 giờ.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Kinh Bắc